

|                                   |                         |
|-----------------------------------|-------------------------|
| CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM |                         |
| CÔNG<br>VĂN<br>ĐẾN                | Số 2738 ngày 21/10/2026 |
|                                   | CHUYÊN                  |
|                                   | Lãnh đạo CC.....        |
|                                   | Phòng VP → D.Tam        |
| Sao.....                          |                         |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 16/EKD/2026

### I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH EIKODO VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô đất số J-2, khu Công nghiệp Thăng Long II, phường Đường Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0221.3974.482

Fax: 0221.3974.483

Mã số doanh nghiệp (Mã số thuế): 0900902466

Nhà máy Eikodo đã được chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn Thực Phẩm FSSC 22000

Số giấy chứng nhận: FSSC 792627

Ngày cấp lần đầu: 07/08/2023

### II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: KEO DẺO NHẬT CHIÊU VỊ TRÁI CÂY

2. Thành phần:

**Kẹo dẻo Nhật Chiêu vị Ô mai mơ:** Mạch nha, đường, ô mai mơ (5%), chất tạo gel (INS 407), chất điều chỉnh độ acid (INS 325, INS 330, INS 331(iii), INS 332(ii)), hương liệu mơ giống tự nhiên, chất làm bóng (INS 903), chất tạo màu tổng hợp (INS 150c)

**Kẹo dẻo Nhật Chiêu vị Vải sấy:** Mạch nha, đường, vải sấy khô (1,99%), chất tạo gel (INS 407), chất điều chỉnh độ acid (INS 325, INS 330, INS 331(iii), INS 332(ii)), hương liệu vải tổng hợp, chất làm bóng (INS 903), muối

**Kẹo dẻo Nhật Chiêu vị Xoài sấy:** Mạch nha, đường, xoài sấy dẻo (3,9%), chất điều chỉnh độ acid (INS 325, INS 330, INS 331(iii), INS 332(ii)), chất tạo gel (INS 407), hương liệu xoài tổng hợp, chất chống oxy hóa (INS 300), chất làm bóng (INS 903), chất tạo màu tổng hợp (INS 102, INS 110)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách: 300 g (3 hộp x 100 g)

- Chất liệu bao bì: Bao bì tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm PET/MCPP (Polyethylene Terephthalate ghép Metallized Cast Polypropylene) hoặc OPP/MCPP (Oriented Polypropylene ghép Metallized Cast Polypropylene). Bao bì đạt chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm của Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:



## CÔNG TY TNHH EIKODO VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô đất số J-2, Khu Công nghiệp Thăng Long II, phường Đường Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

### III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

Mẫu nhãn sản phẩm phù hợp với:

- Nghị định số 37/2026/ND-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và thông tư 17/2023/TT-BYT, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do bộ trưởng bộ y tế ban hành;
- Thông tư số 30/2026/TT-BYT hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân kinh doanh, sản xuất thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- Theo Tiêu chuẩn sản phẩm của Nhà sản xuất số: 16:2026/EKD

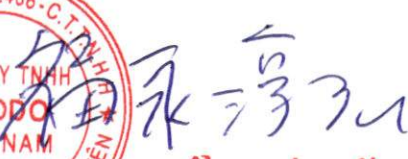
Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 07 tháng 10 năm 2026

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**FUKUNAGA ATSUHIRO**



## MẪU NHÃN SẢN PHẨM



**1. Tên sản phẩm:** KẸO DẼO NHẬT CHIÊU VỊ TRÁI CÂY

**2. Thành phần:**

**Kẹo dẻo Nhật Chiêu vị Ô mai mơ:** Mạch nha, đường, ô mai mơ (5%), chất tạo gel (INS 407), chất điều chỉnh độ acid (INS 325, INS 330, INS 331(iii), INS 332(ii)), hương liệu mơ giống tự nhiên, chất làm bóng (INS 903), chất tạo màu tổng hợp (INS 150c)

**Kẹo dẻo Nhật Chiêu vị Vải sấy:** Mạch nha, đường, vải sấy khô (1.99%), chất tạo gel (INS 407), chất điều chỉnh độ acid (INS 325, INS 330, INS 331(iii), INS 332(ii)), hương liệu vải tổng hợp, chất làm bóng (INS 903), muối

**Kẹo dẻo Nhật Chiêu vị Xoài sấy:** Mạch nha, đường, xoài sấy dẻo (3,9%), chất điều chỉnh độ acid (INS 325, INS 330, INS 331(iii), INS 332(ii)), chất tạo gel (INS 407), hương liệu xoài tổng hợp, chất chống oxy hóa (INS 300), chất làm bóng (INS 903), chất tạo màu tổng hợp (INS 102, INS 110)

**3. Khối lượng tịnh:** 300 g (3 hộp x 100 g)

**4. Ngày sản xuất và hạn sử dụng:** Xem trên bao bì.

**5. Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi sạch sẽ, khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

**6. Hướng dẫn sử dụng:** Ăn sớm sau khi mở bao bì.

**7. Thông tin cảnh báo:** Sản phẩm có thể có chứa sữa

**8. Sản xuất tại:** CÔNG TY TNHH EIKODO VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô đất số J-2, KCN Thăng Long II, Phường Đường Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

**9. Xuất xứ:** Việt Nam

**10. Giá trị dinh dưỡng (trên 100 g)**

| Thành phần dinh dưỡng |          |         |          |        |
|-----------------------|----------|---------|----------|--------|
| Thành phần dinh dưỡng | Ô Mai Mơ | Vải Sấy | Xoài Sấy | Đơn vị |
| Năng lượng            | 311      | 312     | 328      | kcal   |
| Carbohydrat           | 77,5     | 77,8    | 81,82    | g      |
| Đường tổng số         | 66,4     | 63,8    | 67,91    | g      |
| Natri                 | 287      | 277     | 200,8    | mg     |

**TIÊU CHUẨN NHÀ SẢN XUẤT**

|                                         |                                           |                                      |
|-----------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|
| <b>UBND TỈNH HƯNG YÊN</b>               | <b>KẸO</b>                                | <b>Tiêu chuẩn số<br/>16:2026/EKD</b> |
| <b>CÔNG TY TNHH<br/>EIKODO VIỆT NAM</b> | <b>KẸO DẼO NHẬT CHIỀU VỊ<br/>TRÁI CÂY</b> | <b>Có hiệu lực từ ngày ký</b>        |

**Chỉ tiêu vi sinh, kim loại nặng, giá trị dinh dưỡng**

**• Chỉ tiêu vi sinh vật**

| STT | Tên chỉ tiêu                 | Đơn vị tính | Mức công bố | Tham khảo nhóm |
|-----|------------------------------|-------------|-------------|----------------|
| 1   | Tổng số vi sinh vật hiếu khí | CFU/g       | $< 10^4$    | -              |
| 2   | Coliform                     | CFU/g       | $< 10$      |                |
| 3   | Staphylococcus aureus        | CFU/g       | $< 10$      |                |
| 4   | Clostridium perfringens      | CFU/g       | $< 10$      |                |
| 5   | Bacillus cereus              | CFU/g       | $< 10$      |                |
| 6   | Tổng số bào tử nấm men, mốc  | CFU/g       | $< 10^2$    |                |
| 7   | E.Coli                       | CFU/g       | $< 10$      |                |



**• Chỉ tiêu kim loại nặng: QCVN 8-2:2011/BYT \_ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn Ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.**

| STT | Tên chỉ tiêu             | Đơn vị tính | Mức công bố | Tham khảo nhóm |
|-----|--------------------------|-------------|-------------|----------------|
| 1   | Hàm lượng arsen (As)     | mg/kg       | $\leq 1$    | Đường          |
| 2   | Hàm lượng chì (Pb)       | mg/kg       | $\leq 0,5$  |                |
| 3   | Hàm lượng thủy ngân (Hg) | mg/kg       | $\leq 0,05$ |                |
| 4   | Cadmium (Cd)             | mg/kg       | $\leq 1$    |                |

- **Giá trị dinh dưỡng:** Thông tư số 30/2026/TT-BYT của Bộ Y tế: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

| STT | Tên chỉ tiêu  | Đơn vị tính | Mức công bố trên 100g |               |               |
|-----|---------------|-------------|-----------------------|---------------|---------------|
|     |               |             | Vị Ô mai mơ           | Vị Vải sấy    | Vị Xoài sấy   |
| 1   | Năng lượng    | Kcal        | 248,8 – 373,2         | 249,6 – 374,4 | 256 - 384     |
| 2   | Chất đạm      | g           | < 0,5                 | < 0,5         | < 0,5         |
| 3   | Carbohydrat   | g           | 62 - 93               | 62,24 – 93,36 | 63,68 – 95,52 |
| 4   | Chất béo      | g           | < 0,5                 | < 0,5         | < 0,5         |
| 5   | Đường tổng số | g           | 53,1 – 79,7           | 51,04 – 76,56 | 50,88 – 76,32 |
| 6   | Natri         | mg          | 229,6 – 344,4         | 221,6 – 332,4 | 195,2 – 292,8 |

Hưng Yên, ngày 07 tháng 10 năm 2026

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**FUKUNAGA ATSUHIRO**